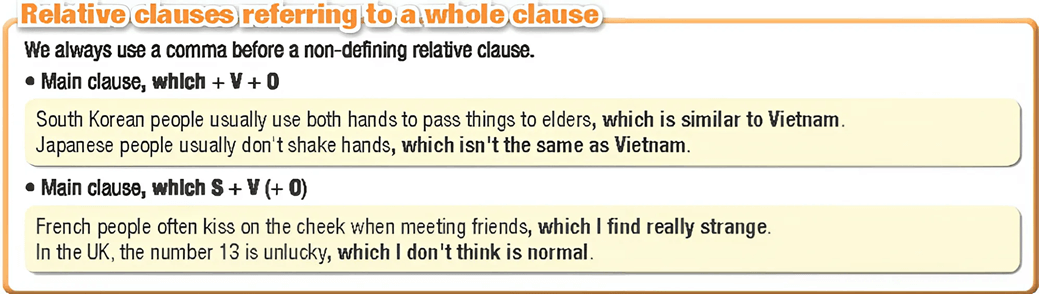
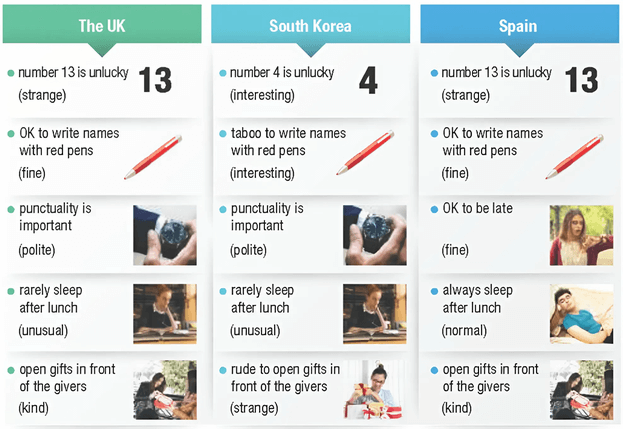
# Unit 6 Lesson 2 (trang 67, 68, 69, 70)

**Tiếng Anh lớp 12 Unit 6 Lesson 2** **(trang 67, 68, 69, 70) - ILearn Smart World**  
**Let's Talk! (trang 67 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the pictures. What are all these people doing? Where are they from? What do people in your country do when they meet someone for the first time? (Theo cặp: Nhìn vào các bức tranh. Những người này đang làm gì? Họ đến từ đâu? Người dân ở nước bạn làm gì khi họ gặp ai đó lần đầu tiên?)  
  
**Gợi ý:**  
Picture 1: They are shaking hands. They come from England.  
Picture 2: They are pressing the palms together in front of the chest and bowing slightly. They come from India.  
Picture 3: They are facing each other. They come from Australia.  
Picture 4: They are lightly kissing both cheeks. They come from France.  
In my country people usually shake hands when they meet someone for the first time.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Bức tranh 1: Họ đang bắt tay nhau. Họ đến từ nước Anh.  
Bức tranh 2: Họ chắp tay trước ngực và hơi cúi đầu. Họ đến từ Ấn Độ.  
Bức tranh 3: Họ đang đối mặt nhau. Họ đến từ Úc.  
Bức tranh 4: Họ hôn nhẹ vào hai má. Họ đến từ Pháp.  
Ở đất nước tôi mọi người thường bắt tay khi gặp ai đó lần đầu tiên.  
  
**New Words (phần a->c trang 67 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the words and definitions, then fill in the blanks. Listen and repeat.** (Đọc các từ và định nghĩa, sau đó điền vào chỗ trống. Nghe và lặp lại.)  
• **punctuality:** doing something at the correct time, not being late  
• **manners:** polite ways of speaking and doing things  
• **rude:** not polite  
• **bow:** to show respect to someone by bending your body forwards  
• **shake hands:** hold someone's hand and move up and down quickly, often to greet someone  
• **norm:** an accepted way of behaving in a particular society or culture  
• **taboo:** not allowed to do or talk about in a culture because its wrong or embarrassing  
1. In some countries, it is a cultural to arrive late for parties. Lots of people do it.  
2. In places like the USA, \_\_\_\_\_\_\_\_ is very important. People might get upset if you're very late.  
3. You should avoid pointing your fingers at people. Many people think it is very \_\_\_\_\_\_\_\_.  
4. After introducing yourself, you should \_\_\_\_\_\_\_\_ to greet someone.  
5. People in the UK usually don't \_\_\_\_\_\_\_\_, but it's very common in Japan and India.  
6. In Vietnam, it is \_\_\_\_\_\_\_\_ to go inside someone's house with your shoes on.  
7. It's important to have good \_\_\_\_\_\_\_\_ when meeting an important person at school or work.   
CD2 -08  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
2. punctuality  
  
  
3. rude  
  
  
4. shake hands  
  
  
  
  
5. bow  
  
  
6. taboo  
  
  
7. manners  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
• **sự** **đúng giờ:** làm việc gì đó đúng lúc, không bị trễ  
• **cách cư xử:** cách nói và làm việc một cách lịch sự  
• **thô lỗ:** không lịch sự  
• **cúi chào:** thể hiện sự tôn trọng với ai đó bằng cách gập người về phía trước  
• **bắt tay:** nắm tay ai đó và di chuyển lên xuống nhanh chóng, thường là để chào hỏi ai đó  
• **chuẩn mực:** một cách ứng xử được chấp nhận trong một xã hội hoặc một nền văn hóa cụ thể  
• **điều cấm kỵ:** không được phép làm hoặc nói trong một nền văn hóa vì nó sai trái hoặc gây xấu hổ  
1. Ở một số quốc gia, việc đến dự tiệc muộn là một văn hóa. Rất nhiều người làm điều đó.  
2. Ở những nơi như Mỹ, là rất quan trọng. Mọi người có thể khó chịu nếu bạn đến quá muộn.  
3. Bạn nên tránh chỉ tay vào người khác. Nhiều người cho rằng điều đó rất .  
4. Sau khi giới thiệu bản thân, bạn nên chào hỏi ai đó.  
5. Người dân ở Anh thường không nhưng điều này lại rất phổ biến ở Nhật Bản và Ấn Độ.  
6. Ở Việt Nam, việc mang giày vào nhà người khác là .  
7. Điều quan trọng là phải có lịch sự khi gặp một người quan trọng ở trường hoặc nơi làm việc.  
**b. List more greetings that you know.** (Liệt kê thêm những cách chào hỏi bạn biết.)  
**Gợi ý:**  
touching heads, waving, fist bumping  
**Hướng dẫn dịch:**  
chạm đầu, vẫy tay, đấm tay  
**c. In pairs: Use the new words to talk about cultural norms in your country or other countries you know.** (Theo cặp: Sử dụng các từ mới để nói về các chuẩn mực văn hóa ở quốc gia của bạn hoặc các quốc gia khác mà bạn biết.)  
Using people's nicknames in daily life and their real names in formal situations is a norm in Lao culture. (Sử dụng biệt danh của mọi người trong cuộc sống hàng ngày và tên thật của họ trong các tình huống trang trọng là một điều bình thường trong văn hóa Lào.)  
**Gợi ý:**  
- In Japan, it's considered taboo to blow your nose in public, as it's seen as rude and unhygienic.  
- In table manners of India, it's disrespectful to eat with the left hand, as it's traditionally associated with tasks considered unclean.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Ở Nhật Bản, việc xì mũi ở nơi công cộng được coi là điều cấm kỵ vì nó bị coi là thô lỗ và mất vệ sinh.  
- Trong phong tục ăn uống ở Ấn Độ, việc ăn bằng tay trái là thiếu tôn trọng vì theo truyền thống, tay trái gắn liền với những công việc bị coi là ô uế.  
  
**Reading (phần a->d trang 68 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read a student's blog post about cultural norms and choose the best title for the blog post.** (Đọc bài đăng trên blog của một học sinh về các chuẩn mực văn hóa và chọn tiêu đề phù hợp nhất cho bài đăng trên blog.)  
1. Similar Cultural Norms from around the world (Các chuẩn mực văn hóa tương tự trên khắp thế giới)  
2. Interesting Cultural Norms (Các chuẩn mực văn hóa thú vị)  
Hi, everyone! Vy from Ho Chi Minh city here, with a report to share. Today I learned some cool things in my university. We’re studying cultural norms and how they can be very different in other countries.  
• **Japan:** In Japan, punctuality is really important. People often arrive early to show they have good manners. Japanese people usually bow instead of shaking hands, which is a bit different from Vietnam. Japanese people always take off their shoes and change into slippers when they enter a home. They keep slippers for guests, too, which I think is very kind. If you go to Japan, you should be careful when writing. It's taboo to use a red pen to write somebody's name because is thought to be very unlucky.  
• **France:** French people often arrive late for parties, which is pretty similar to things here in Vietnam, but it’s very different from Japanese culture. However, French culture does have some differences from Vietnamese culture. For example, French people often kiss on the cheek when meeting friends, which seems really strange to me! It's also rude to ask someone about their age or their family, which I find so surprising.  
• **India:** In India, people always take off their shoes when they enter homes or temples, which is similar to Japan, Vietnam, and many other Asian countries. However, there is one thing which is very different. Indian people believe that the left hand is dirty because it is used for washing the feet and other parts of the body. So in India, it's taboo to use the left hand for eating, shaking hands, or passing things to other people.  
So that's what we've been studying in my university. Where are you from? Is your culture similar to any of these?  
**Đáp án:**  
2. Interesting Cultural Norms (Các chuẩn mực văn hóa thú vị)  
**Hướng dẫn dịch:**  
Chào mọi người! Tôi là Vy đến từ TP.HCM tới đây và chia sẻ. Hôm nay tôi đã học được những điều tuyệt vời ở trường đại học của mình. Chúng tôi đang học về các chuẩn mực văn hóa và chúng có thể khác biệt như thế nào ở các quốc gia khác.  
• **Nhật Bản:** Ở Nhật Bản, việc đúng giờ thực sự rất quan trọng. Mọi người thường đến sớm để thể hiện họ có cách cư xử tốt. Người Nhật thường cúi chào thay vì bắt tay, có một chút khác biệt so với Việt Nam. Người Nhật luôn cởi giày và thay dép khi vào nhà. Họ còn giữ dép cho khách nữa, tôi thấy điều đó rất tử tế. Nếu bạn đến Nhật Bản, bạn nên cẩn thận khi viết. Việc dùng bút đỏ để viết tên người khác là điều cấm kỵ vì điều đó được cho là rất không may mắn.  
• **Pháp:** Người Pháp thường đến muộn trong các bữa tiệc, điều này khá giống với Việt Nam nhưng lại rất khác với văn hóa Nhật Bản. Tuy nhiên, văn hóa Pháp có một số khác biệt so với văn hóa Việt Nam. Ví dụ, người Pháp thường hôn lên má khi gặp bạn bè, điều này đối với tôi thực sự rất lạ! Cũng rất thật thô lỗ khi hỏi ai đó về tuổi tác hoặc gia đình của họ, điều này khiến tôi thấy rất ngạc nhiên.  
• **Ấn Độ:** Ở Ấn Độ, người ta luôn cởi giày khi vào nhà hoặc vào chùa, tương tự như Nhật Bản, Việt Nam và nhiều nước châu Á khác. Tuy nhiên, có một điều rất khác biệt. Người Ấn Độ tin rằng tay trái bẩn vì nó được dùng để rửa chân và các bộ phận khác trên cơ thể. Vì vậy, ở Ấn Độ, việc sử dụng tay trái khi ăn uống, bắt tay hoặc đưa đồ vật cho người khác là điều cấm kỵ.  
Đó là những gì chúng tôi đã học ở trường đại học. Bạn đến từ đâu? Văn hóa của bạn có giống với bất kỳ điều nào trong số này không?  
**b. Now, read and answer the questions.** (Bây giờ, đọc và trả lời các câu hỏi.)  
1. In which country is it very important to be on time? \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
2. The word in paragraph 2 refers to \_\_\_\_\_\_\_.  
A. somebody's name  
B. a red pen  
C. writing names with a red pen  
3. What shouldn't be done with the left hand in India? \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
4. According to the passage, all of the following are true EXCEPT \_\_\_\_\_\_\_.  
A. Japanese and Indian people take off their shoes before entering the home.  
B. The left hand is considered dirty in India.  
C. French and Japanese people always arrive on time for meetings.  
5. Which of the following can be inferred about the writer of the blog?  
A. She doesn't like French culture.  
B. She's familiar with Vietnamese culture.  
C. She wouldn't like living in India.  
**Đáp án:**  
1. Japan  
2. C  
3. eating, shaking hands, and passing things to other people  
4. C  
5. B  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: In Japan, punctuality is really important. People often arrive early to show they have good manners. (Ở Nhật Bản, việc đúng giờ thực sự rất quan trọng. Mọi người thường đến sớm để thể hiện họ có cách cư xử tốt.)  
2. Thông tin: If you go to Japan, you should be careful when writing. It's taboo to use a red pen to write somebody's name because is thought to be very unlucky. (Nếu bạn đến Nhật Bản, bạn nên cẩn thận khi viết. Việc dùng bút đỏ để viết tên người khác là điều cấm kỵ vì được cho là rất không may mắn.)  
3. Thông tin: Indian people believe that the left hand is dirty because it is used for washing the feet and other parts of the body. So in India, it's taboo to use the left hand for eating, shaking hands, or passing things to other people. (Người Ấn Độ tin rằng tay trái bẩn vì nó được dùng để rửa chân và các bộ phận khác trên cơ thể. Vì vậy, ở Ấn Độ, việc sử dụng tay trái khi ăn uống, bắt tay hoặc đưa đồ vật cho người khác là điều cấm kỵ.)  
4. Thông tin:  
- Japanese people always take off their shoes and change into slippers when they enter a home. (Người Nhật luôn cởi giày và thay dép khi vào nhà.)  
- In India, people always take off their shoes when they enter homes or temples, which is similar to Japan, Vietnam, and many other Asian countries. (Ở Ấn Độ, người ta luôn cởi giày khi vào nhà hoặc vào chùa, tương tự như Nhật Bản, Việt Nam và nhiều nước châu Á khác.)  
- Indian people believe that the left hand is dirty because it is used for washing the feet and other parts of the body. So in India, it's taboo to use the left hand for eating, shaking hands, or passing things to other people. (Người Ấn Độ tin rằng tay trái bẩn vì nó được dùng để rửa chân và các bộ phận khác trên cơ thể. Vì vậy, ở Ấn Độ, việc sử dụng tay trái khi ăn uống, bắt tay hoặc đưa đồ vật cho người khác là điều cấm kỵ.)  
- French people often arrive late for parties, which is pretty similar to things here in Vietnam, but it’s very different from Japanese culture. (Người Pháp thường đến muộn trong các bữa tiệc, điều này khá giống với Việt Nam nhưng lại rất khác với văn hóa Nhật Bản.)  
5. Thông tin: Vy from Ho Chi Minh city here, with a report to share. (Tôi là Vy đến từ TP.HCM tới đây và chia sẻ.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Ở quốc gia nào việc đúng giờ rất quan trọng? – Nhật Bản  
2. Từ ở đoạn 2 đề cập đến \_\_\_\_\_\_\_.  
A. tên của ai đó  
B. cây bút đỏ  
C. viết tên bằng bút đỏ  
3. Ở Ấn Độ không nên làm gì với tay trái? – ăn uống, bắt tay và chuyền đồ cho người khác  
4. Theo đoạn văn, tất cả những điều sau đây đều đúng NGOẠI TRỪ \_\_\_\_\_\_\_.  
A. Người Nhật và người Ấn Độ cởi giày trước khi vào nhà.  
B. Tay trái bị coi là bẩn ở Ấn Độ.  
C. Người Pháp và người Nhật luôn đến đúng giờ trong các cuộc họp.  
5. Điều nào sau đây có thể được suy ra về người viết blog?  
A. Cô ấy không thích văn hóa Pháp.  
B. Cô ấy quen thuộc với văn hóa Việt Nam.  
C. Cô ấy không thích sống ở Ấn Độ.  
**c. Listen and read.** (Nghe và đọc.)  
CD2 -09  
**d. In pairs: Which country would you prefer to visit? Why?** (Theo cặp: Bạn thích đến thăm đất nước nào? Tại sao?)  
**Gợi ý:**  
A: Hi there, B! If you could visit any country in the world, where would you go?  
B: Hey, A! That's a tough question, but I think I'd choose Japan. I've always been fascinated by its rich culture, stunning landscapes, and delicious cuisine. Plus, I'd love to experience the blend of tradition and modernity in cities like Tokyo and Kyoto.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Chào bạn B! Nếu bạn có thể đến thăm bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, bạn sẽ đi đâu?  
B: Chào, A! Đó là một câu hỏi khó, nhưng tôi nghĩ tôi sẽ chọn Nhật Bản. Tôi luôn bị mê hoặc bởi nền văn hóa phong phú, phong cảnh tuyệt đẹp và ẩm thực ngon. Ngoài ra, tôi muốn trải nghiệm sự pha trộn giữa truyền thống và hiện đại ở các thành phố như Tokyo và Kyoto.  
  
**Grammar (phần a->e trang 68-69 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about relative clauses referring to a whole clause, then fill in the blank.** (Đọc về mệnh đề quan hệ đề cập đến cả một mệnh đề, sau đó điền vào chỗ trống.)  
  
**Đáp án:**  
Japanese people often bow, .  
**Hướng dẫn dịch:**  
Người Nhật hay cúi đầu, tôi nghĩ điều đó rất lịch sự.  
  
  
  
  
**Mệnh đề quan hệ đề cập đến cả một mệnh đề**  
Các mệnh đề này bắt đầu bằng **which** và bổ sung thông tin cho mệnh đề chính. Chúng là những mệnh đề quan hệ không xác định.  
French people often kiss on the cheek when meeting friends, **which I find really strange**. (Người Pháp thường hôn lên má khi gặp bạn bè, điều này tôi thấy rất lạ.)  
In the UK, people often wear shoes at home, **which is very different from South Korea**. (Ở Anh, người ta thường đi giày ở nhà, điều này rất khác so với Hàn Quốc.)  
  
  
  
  
**b. Listen and check. Listen again and repeat.** (Nghe và kiểm tra. Nghe lại và lặp lại.)  
CD2 -10  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Mệnh đề quan hệ đề cập đến cả một mệnh đề**  
Chúng ta luôn sử dụng dấu phẩy trước mệnh đề quan hệ không xác định.  
**• Mệnh đề chính, which + V + O**  
South Korean people usually use both hands to pass things to elders, **which is similar to Vietnam**. (Người Hàn Quốc thường sử dụng cả hai tay để đưa đồ cho người lớn tuổi, điều này cũng tương tự như ở Việt Nam.)  
Japanese people usually don’t shake hands, **which isn't the same as Vietnam**. (Người Nhật thường không bắt tay, điều này không giống Việt Nam.)  
**• Mệnh đề chính, S + V (+ O)**  
French people often kiss on the cheek when meeting friends, **which I find really strange**. (Người Pháp thường hôn lên má khi gặp bạn bè, điều này tôi thấy rất lạ.)  
In the UK, the number 13 is unlucky, **which I don't think is normal**. (Ở Anh, số 13 là con số không may mắn, điều mà tôi không nghĩ là bình thường.)  
  
  
  
  
**c. Underline the mistakes and write the correct words on the lines.** (Hãy gạch chân những lỗi sai và viết những từ đúng vào các dòng.)  
1. Indian people never touch others with their left hand, which seem a bit strange to me.  
2. In Thailand, it's rude to point at people with one finger, which are similar to South Korea.  
3. Punctuality is important in Japan, that is similar to the UK.  
4. Japanese people rarely shake hands, where is different from the USA.  
5. Indian people usually bring a small gift when visiting a friend's home, which I thinks is really kind.  
6. In Laos, it's taboo to touch people's heads, which similar to Thailand.   
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. seem → seems  
  
  
2. are → is  
  
  
3. that → which  
  
  
  
  
4. where → which  
  
  
5. thinks → think  
  
  
6. similar → is similar  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
Đại từ quan hệ “which” có thể được dùng để thay thế/bổ nghĩa cho cả mệnh đề ở phía trước, ta dùng dấu phẩy để ngăn cách mệnh đề quan hệ với mệnh đề chính. Khi đó, động từ trong mệnh đề quan hệ chia số ít.  
Mệnh đề chính, which + V (số ít) + O.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Người Ấn Độ không bao giờ chạm vào người khác bằng tay trái, điều này có vẻ hơi lạ đối với tôi.  
2. Ở Thái Lan, việc chỉ tay vào người khác bằng một ngón tay là bất lịch sự, tương tự như ở Hàn Quốc.  
3. Đúng giờ rất quan trọng ở Nhật Bản, điều này cũng tương tự như ở Anh.  
4. Người Nhật hiếm khi bắt tay, điều này khác với Mỹ.  
5. Người Ấn Độ thường mang theo một món quà nhỏ khi đến thăm nhà bạn bè, điều mà tôi nghĩ là rất tử tế.  
6. Ở Lào, việc chạm vào đầu người khác là điều cấm kỵ, tương tự như Thái Lan.  
**d. Unscramble the relative clauses.** (Sắp xếp lại mệnh đề quan hệ.)  
1. In Vietnam, people use both hands to pass things to elders, similar/South/which/is/to/Korea.  
2. French people kiss their friends and family, seems/very/me./to/which/unusual  
3. Japanese people often bow, think/I/is/which/polite./really  
4. In Vietnam, people often ask how old I am, country./taboo/in/is/which/my  
5. In South Korea, it's rude to blow your nose in public, very/is/Japan./to/which/similar   
**Đáp án:**  
1. In Vietnam, people use both hands to pass things to elders, which is similar to South Korea.  
2. French people kiss their friends and family, which seems very unusual to me.  
3. Japanese people often bow, which I think is really polite.  
4. In Vietnam, people often ask how old I am, which is taboo in my country.  
5. In South Korea, it's rude to blow your nose in public, which is very similar to Japan.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Ở Việt Nam, mọi người dùng cả hai tay để đưa đồ cho người lớn tuổi, tương tự như ở Hàn Quốc.  
2. Người Pháp hôn bạn bè và gia đình của họ, điều này đối với tôi có vẻ rất lạ.  
3. Người Nhật hay cúi chào, tôi nghĩ điều đó rất lịch sự.  
4. Ở Việt Nam, người ta hay hỏi tôi bao nhiêu tuổi, điều này là điều cấm kỵ ở nước tôi.  
5. Ở Hàn Quốc, việc xì mũi ở nơi công cộng là bất lịch sự, điều này rất giống với Nhật Bản.  
**e. In pairs: Use the prompts to compare the norms below to Vietnam, then give your opinion about them.** (Theo cặp: Sử dụng các gợi ý để so sánh các chuẩn mực dưới đây với Việt Nam, sau đó đưa ra ý kiến của bạn về chúng.)  
  
  
  
  
**Japan (Nhật Bản) France (Pháp)**   
• often bow (thường cúi chào) • kiss friends (hôn bạn bè)   
• rarely shake hands (hiếm khi bắt tay) • arrive late (đến muộn)   
**India (Ấn Độ)**  
• take off shoes at home (cởi giày ở nhà)  
• pass things with the right hand (đưa đồ bằng tay phải)  
  
  
  
  
- People in Japan often bow, which is a little different from Vietnam. (Người Nhật thường cúi chào, điều này hơi khác so với Việt Nam.)  
- People in Japan often bow, which I think is very polite. (Người Nhật thường cúi chào, tôi nghĩ điều đó rất lịch sự.)  
**Gợi ý:**  
- People in France often kiss friends, which is a custom quite different from Vietnam. It's interesting to see how cultural norms affect social interactions differently in different countries.  
- People in India take off shoes at home, which is similar to Vietnam. I appreciate this practice as it helps keep homes clean and respects the space of others.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Người Pháp thường hôn bạn bè, đây là một phong tục khá khác so với Việt Nam. Thật thú vị khi thấy các chuẩn mực văn ảnh hưởng đến các tương tác xã hội khác nhau ở các quốc gia khác nhau như thế nào.  
- Người Ấn Độ cởi giày ở nhà cũng tương tự như Việt Nam. Tôi đánh giá cao việc làm này vì nó giúp giữ nhà cửa sạch sẽ và tôn trọng không gian của người khác.  
  
**Pronunciation (phần a->d trang 69 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. When one word ends consonant and the next word starts with a vowel sound, we often link the sounds.** (Khi một từ kết thúc bằng một phụ âm và từ tiếp theo bắt đầu bằng một nguyên âm, chúng ta thường nối 2 âm đó lại với nhau.)  
**'... which I ...' sounds like /wɪtʃaɪ/.** ('... which I ...' nghe giống như /wɪtʃaɪ/.)  
**'... which is ...' sounds like /wɪtʃɪz/.** ('... which is ...' nghe giống như /wɪtʃɪz/.)  
**b. Listen. Notice the sound changes of the underlined letters.** (Nghe. Chú ý sự thay đổi âm thanh của các chữ cái được gạch chân.)  
Japanese people usually bow instead of shaking hands, whi a bit different from Vietnam.  
They keep slippers for guests, too, whi think is very kind.  
CD2 -11  
**Hướng dẫn dịch:**  
Người Nhật thường cúi chào thay vì bắt tay, điều này hơi khác so với Việt Nam.  
Họ còn giữ dép cho khách nữa, tôi thấy điều đó rất tử tế.  
**c. Listen and cross out the sentence that doesn't follow the note in Task a.** (Nghe và gạch bỏ câu không tuân theo ghi chú ở Bài tập a.)  
He bought some French cheese, which I really like.  
We're traveling in the summer, which is the best time to go.  
CD2 -12  
**Đáp án:**  
He bought some French cheese, which I really like.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Anh ấy mua một ít pho mát Pháp mà tôi rất thích.  
Chúng tôi sẽ đi du lịch vào mùa hè, đó là thời điểm tốt nhất để đi.  
**d. Practice reading the sentences with the sound changes noted in Task a to a partner.** (Luyện đọc các câu có sự thay đổi âm thanh được ghi chú trong Bài tập a cho bạn cùng lớp.)  
  
**Practice (phần a->b trang 70 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen, then take turns talking about the cultural norms in the table below. Give your opinion and make comparisons between countries.** (Nghe, sau đó lần lượt nói về các chuẩn mực văn hóa trong bảng dưới đây. Đưa ra ý kiến của bạn và so sánh giữa các quốc gia.)  
CD2 -13  
- Let's talk about cultural norms in the UK, South Korea and Spain. (Chúng ta hãy nói về các chuẩn mực văn hóa ở Anh, Hàn Quốc và Tây Ban Nha nhé.)  
- OK. In the UK and Spain, the number 13 is unlucky, which I think is strange. And it's different from South Korea, the number 4 is unlucky there, which is interesting. (Được rồi. Ở Anh và Tây Ban Nha, số 13 là số không may mắn, điều mà tôi nghĩ là kỳ lạ. Và nó khác với Hàn Quốc, con số 4 là số xui xẻo ở đó, thật thú vị.)  
  
**Gợi ý:**  
A: Let's talk about cultural norms in the UK, South Korea, and Spain.  
B: Okay. In the UK and Spain, the number 13 is considered unlucky, which I find strange. However, in South Korea, it's the number 4 that is seen as unlucky, which is quite interesting.  
A: Yeah, it's fascinating how superstitions vary across cultures. Another interesting difference is that in the UK and Spain, it's okay to write names with red pens, while in South Korea, it's taboo.  
B: That's right. It's also worth noting that punctuality is important in both the UK and South Korea, which is considered polite behavior. However, in Spain, it's more acceptable to be late.  
A: Yes, I've heard about the Spanish concept of "mañana" which means tomorrow, but it's more about a relaxed attitude towards time. Another intriguing difference is that in Spain, people always sleep after lunch, which is considered normal, while in the UK and South Korea, it's unusual to nap during the day.  
B: Absolutely. And finally, in terms of gift-giving etiquette, it's considered kind to open gifts in front of the givers in both the UK and Spain, whereas in South Korea, it's seen as rude to do so.  
A: It's interesting to see how these cultural norms shape social interactions and perceptions in each country.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Chúng ta hãy nói về các chuẩn mực văn hóa ở Anh, Hàn Quốc và Tây Ban Nha nhé.  
B: Được rồi. Ở Anh và Tây Ban Nha, con số 13 được coi là con số không may mắn, điều này khiến tôi thấy lạ lùng. Tuy nhiên, ở Hàn Quốc, con số 4 lại được coi là con số không may mắn, điều này khá thú vị.  
A: Ừ, thật thú vị khi thấy những mê tín khác nhau giữa các nền văn hóa. Một điểm khác biệt thú vị nữa là ở Anh và Tây Ban Nha, không vấn đề gì khi viết tên bằng bút đỏ, còn ở Hàn Quốc thì đó là điều cấm kỵ.  
B: Đúng vậy. Cũng cần lưu ý rằng việc đúng giờ rất quan trọng ở cả Anh và Hàn Quốc, đây được coi là hành vi lịch sự. Tuy nhiên, ở Tây Ban Nha, tốt hơn là nên đến muộn.  
A: Đúng vậy, tôi đã nghe nói về khái niệm "mañana", trong tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là ngày mai, nói về thái độ thoải mái hơn đối với thời gian. Một điểm khác biệt thú vị nữa là ở Tây Ban Nha, mọi người luôn ngủ sau bữa trưa, điều được coi là bình thường, trong khi ở Anh và Hàn Quốc, việc ngủ trưa vào ban ngày là điều bất thường.  
B: Chắc chắn rồi. Và cuối cùng, về mặt nghi thức tặng quà, việc mở quà trước mặt người tặng ở cả Vương quốc Anh và Tây Ban Nha được coi là tử tế, trong khi ở Hàn Quốc, việc làm như vậy bị coi là thô lỗ.  
A: Thật thú vị khi thấy những chuẩn mực văn hóa này hình thành nên sự tương tác và nhận thức xã hội ở mỗi quốc gia như thế nào.  
**c. Practice with your own ideas.** (Luyện tập với ý của riêng bạn.)  
**Gợi ý:**  
A: Hey, I heard you're planning a trip to Vietnam. That's exciting!  
B: Yeah, I'm really looking forward to it. But I want to make sure I understand the cultural norms there. Do you know much about Vietnamese culture?  
A: Absolutely! Vietnamese culture is rich and diverse. One important aspect is the concept of respect, especially towards elders and authority figures.  
B: Ah, got it. So, should I address people in a certain way?  
A: Yes, addressing people with proper titles and using polite language is crucial. For example, you should address elders with titles like "anh" (for older brother), "chi" (for older sister), "chu" (for uncle), or "co" (for aunt), followed by their name.  
B: That makes sense. And what about dining etiquette? I want to make sure I don't unintentionally offend anyone.  
A: In Vietnam, it's customary to wait for the host to invite you to start eating before you begin your meal. Also, it's polite to use chopsticks when eating, and never stick them upright in a bowl of rice, as it resembles incense sticks at a funeral.  
B: I'll keep that in mind. Are there any other cultural norms I should be aware of?  
A: Another important aspect is the concept of "saving face." Vietnamese people value harmony and avoiding confrontation, so it's best to address issues tactfully and avoid causing embarrassment or loss of face for others.  
B: That's good to know. I'll make sure to be respectful and considerate during my visit. Thanks for the insights!  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Này, tôi nghe nói bạn đang lên kế hoạch cho một chuyến đi đến Việt Nam. Điều đó thật thú vị!  
B: Ừ, tôi thực sự mong chờ nó. Nhưng tôi muốn chắc chắn rằng tôi hiểu các chuẩn mực văn hóa ở đó. Bạn có biết nhiều về văn hóa Việt Nam không?  
A: Chắc chắn rồi! Văn hóa Việt Nam rất phong phú và đa dạng. Một khía cạnh quan trọng là khái niệm tôn trọng, đặc biệt là đối với người lớn tuổi và những người có thẩm quyền.  
B: À, hiểu rồi. Vì vậy, tôi có nên xưng hô với mọi người theo một cách nào đó không?  
A: Có, xưng hô với mọi người bằng danh xưng phù hợp và sử dụng ngôn ngữ lịch sự là rất quan trọng. Ví dụ, bạn nên xưng hô với người lớn tuổi hơn bằng “anh” (đối với nam còn trẻ), “chị” (đối với nữ còn trẻ), “chú” (đối với chú), hoặc “cô” (đối với dì), rồi đến tên của họ.  
B: Điều đó hợp lí. Thế còn nghi thức ăn uống thì sao? Tôi muốn chắc chắn rằng mình không vô tình xúc phạm bất cứ ai.  
A: Ở Việt Nam, thông thường, bạn phải đợi chủ nhà mời dùng bữa trước khi bắt đầu bữa ăn. Ngoài ra, hãy lịch sự khi dùng đũa khi ăn và không bao giờ cắm thẳng đũa vào bát cơm vì nó giống như nhang trong đám tang.  
B: Tôi sẽ ghi nhớ điều đó. Có chuẩn mực văn hóa nào khác mà tôi nên biết không?  
A: Một khía cạnh quan trọng khác là khái niệm “giữ thể diện”. Người Việt coi trọng sự hòa hợp và tránh đối đầu nên tốt nhất nên giải quyết vấn đề một cách khéo léo, tránh gây xấu hổ, mất mặt cho người khác.  
B: Thật tốt khi biết điều đó. Tôi sẽ đảm bảo tôn trọng và cẩn trọng trong chuyến thăm của mình. Cảm ơn bạn vì những hiểu biết sâu sắc!  
  
**Speaking (phần a->b trang 70 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**CULTURAL NORMS AROUND THE WORLD** (Các chuẩn mực văn hóa trên khắp thế giới)  
**a. In pairs: Give your opinion about the cultural norms below or the ones you've learned about, then compare them with other cultures.** (Theo cặp: Đưa ra ý kiến của bạn về những chuẩn mực văn hóa dưới đây hoặc những chuẩn mực văn hóa bạn đã học, sau đó so sánh chúng với các nền văn hóa khác.)  
  
  
  
  
**France**  
  
  
• It's rude to eat while walking on the street.  
• People always arrive 15-20 minutes late to parties.  
• People always say "hello" and "goodbye" to storekeepers.   
  
  
  
  
**Japan**  
  
  
• It's rude to touch people.  
• Punctuality is important.  
• People don't shake hands - they bow.  
  
  
  
  
**India**  
  
  
• People usually bring a small gift when visiting a friend's home.  
• It's taboo to touch people with the left hand.  
  
  
  
  
- It's rude to eat while walking in the street in France, which I think is really strange. (Thật thô lỗ khi vừa ăn vừa đi bộ trên đường phố ở Pháp, điều mà tôi nghĩ là thực sự kỳ lạ.)  
- Yeah. And it's very different from Vietnam. People often eat on the street here. (Ừ. Và nó rất khác so với Việt Nam. Ở Việt Nam, người ta thường ăn uống trên đường phố.)  
**Gợi ý:**  
A: It's interesting to discuss cultural norms from different countries. For example, in France, it's considered rude to eat while walking on the street, which I find quite peculiar.  
B: Absolutely. It's a stark contrast to other cultures where eating on the go is common. In Japan, for instance, punctuality is highly valued, and it's considered impolite to be late.  
A: That's true. Punctuality is also important in many Western cultures, like in France, where people tend to arrive 15-20 minutes late to parties as a social norm. However, in Japan, being on time is crucial in most situations.  
B: Another intriguing difference is the way people greet each other. In Japan, people don't shake hands; instead, they bow. It's a sign of respect and politeness.  
A: Absolutely. And in India, another country with unique customs, people usually bring a small gift when visiting a friend's home. It's a thoughtful gesture that shows appreciation and respect.  
B: Yes, and it's also considered taboo to touch people with the left hand in India. It's fascinating how these seemingly small gestures or behaviors can carry so much cultural significance.  
A: Definitely. It's eye-opening to explore these cultural differences and see how they shape social interactions and etiquette in each country.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Thật thú vị khi thảo luận về các chuẩn mực văn hóa từ các quốc gia khác nhau. Ví dụ, ở Pháp, việc ăn trong khi đi bộ trên đường bị coi là thô lỗ, điều này tôi thấy khá kỳ quặc.  
B: Đúng vậy. Nó hoàn toàn trái ngược với các nền văn hóa khác, nơi việc ăn uống khi đang di chuyển là phổ biến. Ví dụ, ở Nhật Bản, sự đúng giờ được đánh giá cao và việc đến muộn bị coi là bất lịch sự.  
A: Đúng vậy. Đúng giờ cũng rất quan trọng trong nhiều nền văn hóa phương Tây, như ở Pháp, nơi mọi người có xu hướng đến dự tiệc muộn 15-20 phút như một chuẩn mực xã hội. Tuy nhiên, ở Nhật Bản, việc đúng giờ là rất quan trọng trong hầu hết các tình huống.  
B: Một điểm khác biệt thú vị nữa là cách mọi người chào nhau. Ở Nhật Bản, mọi người không bắt tay; thay vào đó, họ cúi chào. Đó là biểu hiện của sự tôn trọng và lịch sự.  
A: Đồng ý. Và ở Ấn Độ, một quốc gia khác có phong tục độc đáo, người ta thường mang theo một món quà nhỏ khi đến thăm nhà bạn bè. Đó là một hành động chu đáo thể hiện sự cảm kích và tôn trọng.  
B: Ừ, và việc chạm vào người khác bằng tay trái ở Ấn Độ cũng được coi là điều cấm kỵ. Thật thú vị khi những cử chỉ hoặc hành vi tưởng chừng như nhỏ nhặt này lại có thể mang nhiều ý nghĩa văn hóa đến vậy.  
A: Chắc chắn rồi. Thật mở mang tầm mắt khi khám phá những khác biệt văn hóa này và hiểu được chúng định hình các tương tác xã hội và nghi thức ở mỗi quốc gia như thế nào.  
**b. Now, say which cultural norms from your country are similar to other cultures.** (Bây giờ, hãy cho biết những chuẩn mực văn hóa nào ở đất nước của bạn giống với các nền văn hóa khác.)  
In Vietnam, we celebrate the Lunar New Year, which is similar to lots of other Asian countries. (Ở Việt Nam, chúng tôi đón Tết Nguyên Đán, giống như nhiều nước châu Á khác.)  
**Đáp án:**  
- Similar to many Asian cultures, such as Japan and South Korea, it's common in Vietnam to take off shoes before entering someone's home.  
- Vietnamese culture places a strong emphasis on family values and filial piety, similar to many other Asian cultures where family plays a central role in social life and decision-making.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Tương tự như nhiều nền văn hóa châu Á, chẳng hạn như Nhật Bản và Hàn Quốc, việc cởi giày trước khi vào nhà người khác là điều phổ biến ở Việt Nam.  
- Văn hóa Việt Nam đề cao giá trị gia đình và lòng hiếu thảo, tương tự như nhiều nền văn hóa châu Á khác nơi gia đình đóng vai trò trung tâm trong đời sống xã hội và trong việc đưa ra quyết định.  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 12 sách ILearn Smart World hay, chi tiết khác:**  
Unit 6 Lesson 1 (trang 63, 64, 65, 66)  
Unit 6 Lesson 3 (trang 71, 72, 73)